**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**HỘI THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2024 – 2025**

**Giáo viên giảng dạy: Hoàng Thị Giang**

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Cẩm Văn

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**Bài 6: Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ ( Tiết 1 )**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực**

***a) Năng lực lịch sử và địa lí***

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

***b) Năng lực chung***

- Giao tiếp hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo

**2. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ môi trường như giữ không khí trong lành; bảo vệ nguồn nước, đất, cây xanh...

- Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam. Lược đồ hình 1 SGK. Tranh ảnh, video clip về thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ

- Máy tính, ti vi.

**III. Hoạt động dạy học:**

**1. Hoạt động khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - GV hỏi: Ở tiết học trước các em đã được tìm hiểu về vùng miền nào?  - GV cho HS vận động theo bài hát được phổ nhạc từ đoạn thơ của tác giả Hoàng Trung Thông ( SGK - Trang 30)  - GV hỏi:Những cảnh vật nào được nhắc đến trong bài hát trên?  + GV ( hoặc HS) giải nghĩa từ “ mạ”.  - GV giới thiệu hình ảnh cây mạ.  + Từ những cảnh vật được nêu đó em liên tưởng đến cảnh vật vùng quê nào?  GV chốt: Những cảnh vật đó rất tiêu biểu cho một vùng miền mà hôm hay chúng ta cùng tìm hiểu đó là: **Vùng Đồng bằng Bắc Bộ.** Mở đầu cho chủ đề này cô trò chúng ta cùng nhau khám phá tiết học: **Bài 6:Thiên nhiênvùng Đồng bằng Bắc Bộ**  **( Tiết 1)**  - GV đưa ra yêu cầu cần đạt của bài, yêu cầu HS đọc  **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **2.1.Vị trí địa lí**  GV đưa lược đồ hình 1, yêu cầu HS quan sát và đọc tên lược đồ.  - GV đưa ra lệnh: Quan sát hình 1em hãy:  + Chỉ ranh giới vùng Đồng bằng Bắc Bộ  + Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình gì? Tiếp giáp với những vùng nào, vịnh biển nào?  - GV cho HS thảo luận nhóm 2 ( Thời gian 1 phút)  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả  - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét  - GV chốt: Đồng bằng Bắc Bộ nằm ở phía Bắc nước ta, có dạng hình tam giác. Tiếp giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Duyên hải miền Trung và vịnh Bắc Bộ.  - GV hỏi: Kể tên một số tỉnh thuộc Đồng bằng Bắc Bộ mà em biết?  - Các em ạ, quê hương Hải Dương của chúng ta cũng là một trong những tỉnh thuộc vùng Đồng bằng Bắc Bộ và mang những nét đặc trưng về thiên nhiên của vùng miền. Để biết vùng Đồng bằng Bắc Bộ có đặc điểm thiên nhiên như thế nào chúng ta cùng chuyển sang phần 2  ***2.2: Đặc điểm thiên nhiên***  Ở phần này có 4 nội dung: Địa hình, sông ngòi, đất và khí hậu  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 bằng Kĩ thuật Khăn trải bàn ( Thời gian 5 – 7 phút).  - GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ :  + Nhóm 1+2: Tìm hiểu về đặc điểm địa hình  + Nhóm 3+4: Tìm hiểu về đặc điểm sông ngòi  + Nhóm 5+6: Tìm hiểu về đặc điểm đất và khí hậu  - GV phát phiếu và hướng dẫn HS thực hiện  - GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả        Sau mỗi phần trình bày, GV chốt lại ý chính và cho HS quan sát 1 số hình ảnh minh họa.  \* Để kiểm tra phần kiến thức các em đã nắm được,chúng ta cùng chuyển sang phần 3  **3. Hoạt động luyện tập – Thực hành:**  - GV đưahình ảnh bản đồ tự nhiên Việt Nam và yêu cầu HS lên chỉ:  + Vị trí vùng Đồng bằng Bắc Bộ  +Vị trí Sông Hồng và Sông Thái Bình  - GV nhận xét, tuyên dương  **4. Hoạt động vận dụng:**  \* Đất đai, khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến cây trồng. Dựa vào đặc điểm khí hậu vùng Đồng bằng Bắc Bộ, theo em, người dân đã trồng những loại rau gì vào mùa đông? Vì sao?  - GV giới thiệu một số hình ảnh về các cây trồng vụ đông.  Như vậy cô trò chúng ta đã hoàn thành xong phần tìm hiểu về vị trí và đặc điểm thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Một lần nữa để khắc sâu kiến thức, mời các em cùng xem đoạn video sau ( GV đưa video).  **5.Đánh giá, nhận xét**  - GV nhận xét tiết học  -Tuyên dương HS  - Nhắc HS chuẩn bị bài sau. | - HS: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ  - HS vận động theo bài hát  -1- 2 HS trả lời: Bờ đê, Sông Hồng, buổi chiều, mùa đông, cây, lá, ruộng, mạ, dòng sông, phù sa.  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - Vài em trả lời:  + Vùng quê có cánh đồng lúa vừa cấy.  + Vùng đồng bằng, ….  -1 HS đọc, cả lớp đọc thầm  - HS đọc tên lược đồ.  -1 HS đọc  - HS thảo luận theo nhóm và thực hiện theo yêu cầu  - Đại diện các nhóm lên chỉ ranh giới vùng Đồng bằng Bắc Bộ  - Có dạng hình tam giác và tiếp giáp với các vùng :  +Phía bắc và phía tây: Trung du và miền núi Bắc Bộ  +Phía nam: Duyên hải miền Trung  +Phía đông: Vịnh Bắc Bộ  - HS khác nhận xét  - HS đọc lại  - HS trả lời: Hải Dương, Hưng Yên, …  - HS lắng nghe  - HS làm việc theo nhóm 4  - Đại diện HS các nhóm lên trình bày trước lớp  **Địa hình**  **-** Địa hình chung: khá bằng phẳng, thấp dần về phía biển.  - Bề mặt: có một số đồi núi thấp, ô trũng và hệ thống đê.  - Trong đê: gồm các khu đất cao và ô trũng, không được bồi đắp phù sa hằng năm.  - Ngoài đê: được bồi đắp phù sa hằng năm.  **Sông ngòi**  - Hệ thống sông chính: sông Hồng, sông Thái Bình.  - Lượng sông ngòi: nhiều sông ngòi.  - Lượng phù sa: nhiều phù sa.  - Mực nước:  + Mùa cạn: nước sông xuống thấp.  + Mùa lũ: nước sông dâng cao.  **Đất , khí hậu**  - Đất: có đất phù sa, đất mặn, đất phèn.  - Khí hậu:  + Đặc điểm chung: có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.  + Mùa đông: lạnh, kéo dài từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau.  + Mùa hạ: thường chịu ảnh hưởng của bão.  - HS chú ý lắng nghe, quan sát  - HS lên chỉ vị trí vùng Đồng bằng Bắc Bộ; vị trí Sông Hồng và Sông Thái Bình  trên bản đồ tự nhiên Việt Nam  - HS khác nhận xét  - HS trả lời: Cải bắp, cà rốt, su hào, khoai tây,…  - Vì: Ưa khí hậu lạnh  - HS quan sát và lắng nghe  - HS xem video  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh - bổ sung**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Người thực hiện: Hoàng Thị Giang**

**Dạy ngày: 16/10/2024**

**Buổi chiều:** TIẾT 1:

**KHOA HỌC**

**Vai trò của không khí và bảo vệ môi trường của không khí (tiết 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Quan sát và làm thí nghiệm để giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy.

- Trình bày được vai trò và ứng dụng tính chất của không khí đối với sự sống.

- Biết vận dụng và giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí; sự cần thiết phải bảo vệ bầu không khí trong lành.

- Thực hiện được một số việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học từ đó khám phá được lợi ích của không khí trong cuộc sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tích cực vào các hoạt động khám phá tìm hiểu vai trò của không khí đối với sự cháy, sự sống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động tìm hiểu, khám phá và chia sẻ cùng nhóm bạn về lợi ích của việc bảo vệ bầu không khí trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm*:* Hình thành phẩm chất trách nhiệm trong việc bảo vệ bầu không khí trong sạch.

- GD QCN: Quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường;Quyền được chăm sóc sức khỏe; Bổn phận của trẻ em với cộng đồng và xã hội (Liên hệ).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

+ Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

+ GV có thể sưu tầm thêm tranh ảnh, video về sự ô nhiễm không khí; khói bụi xây dựng, giao thông; cháy rừng; đốt rơm rạ;…

+ Sách khoa học 4, VBT khoa học 4

+ Tranh ảnh về một số cách bảo vệ môi trường không khí (nếu có)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **KĐ: Hát**   1. **HĐ1 :Tìm hiểu nguyên nhân gây ô nhiễm không khí.** | |
| Bước 1: Làm việc nhóm 4  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, quan sát các hình 5-8 ở trang 26 SGK và thảo luận:  + Nguyên nhân làm cho không khí bị ô nhiễm trong các hình vừa quan sát.  + Một số nguyên nhân khác gây ô nhiễm không khí.  + Ô nhiễm không khí gây tác hại như thế nào đối với con người, động vật, thực vật?  Bước 2: Làm việc cả lớp.  - GV chiếu hình 5-8 lên bảng, mời đại diện một số nhóm HS trình bày ba vấn đề đã được thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  - GV dùng tranh ảnh hay video đã chuẩn bị về ô nhiễm không khí …  - GV chốt kiến thức: Con người, động vật, thực vật sống trong môi trường không khí bị ô nhiễm sẽ bị nhiễm bệnh. Đặc biệt con người sẽ dễ bị nhiễm bệnh phổi hoặc ung thư phổi do hít phải khói bụi chứa các chất độc hại. | HS thảo luận nhóm 4  - HS quan sát (Hình 5-8), thảo luận và trả lời câu hỏi.  - HS làm việc cả lớp, 2-3 nhóm lên bảng trình bày về nguyên nhân gây ô nhiễm không khí:  + Hình 5: Khói thải từ các nhà máy.  + Hình 6: Khói do cháy rừng  + Hình 7: Khói bụi do ô tô  + Hình 8: Rác thải  - HS nhận xét, bổ sung   - HS quan sát, lắng nghe, cùng chia sẻ  - HS lắng nghe, ghi nhớ |
| **Nhận xét về môi trường không khí nơi em sống** | |
| Bước 1: Làm việc nhóm 6  - GV yêu cầu HS thảo luận  + Nhận xét về môi trường không khí nơi em sống: Nêu ra môi trường không khí nơi mình sống có trong lành không? Có bị ô nhiễm không?  + Nếu môi trường không khí bị ô nhiễm thì nguyên nhân gây ô nhiễm là gì?.  + Sống trong môi trường ô nhiễm không khí gây ra những tác hại gì?  Bước 2: Làm việc cả lớp.  - GV gọi một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  - GV hỏi: Ở những nơi không khí bị ô nhiễm, những sinh vật sống ở dưới nước có bị ảnh hưởng không?  - GV gọi HS đọc phần cung cấp kiến thức ở trang 26.  - GV liên hệ giáo dục HS | HS thảo luận nhóm: Nhận xét về môi trường không khí nơi em sống. Nêu một số nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí ở địa phương em theo sự hiểu biết.  - HS làm việc cả lớp, 2-3 nhóm lên bảng trình bày  + Nhận xét về môi trường không khí nơi em sống………  + Nếu môi trường không khí bị ô nhiễm thì nguyên nhân gây ô nhiễm là do đốt than, rơm rạ, do khói bụi của ô tô, xe máy, do đổ rác lâu ngày bốc mùi hôi thối…  + Sống trong môi trường ô nhiễm không khí gây ra những tác hại như: khó thở, nhức đầu; khói gây ra cháy rừng làm cho động vật không thở được sẽ chết…..  - HS nhận xét, bổ sung  - HS vận dụng thực tế cùng chia sẻ  - HS đọc cá nhân  - HS lắng nghe, ghi nhớ |
| HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH  HĐ2. Bảo vệ môi trường không khí  **Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ môi trường không khí và một số việc cần làm để bảo vệ môi trường không khí.** | |
| Bước 1: Làm việc nhóm 4  - GV yêu cầu HS đọc thông tin cuối trang 26 SGK, thảo luận để trả lời câu hỏi Vì sao cần phải bảo vệ môi trường không khí và đưa thêm lí do.  - GV yêu cầu HS quan sát hình ở trang 27 SGK nêu được những việc làm phù hợp để bảo vệ môi trường không khí …  Bước 2: Làm việc cả lớp.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm HS trình bày các kết quả thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, tuyên dương những nhóm đưa ra được những ý kiến khác ngoài SGK  - GV liên hệ giáo dục HS | HS đọc thông tin và thảo luận nhóm  - HS làm việc cả lớp, 2-3 nhóm lên bảng trình bày  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe, ghi nhớ |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG TRẢI NGHIỆM:** | |
| **Liên hệ những hoạt động bảo vệ môi trường không khí ở địa phương** | |
| Bước 1: Làm việc nhóm 4  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm:  + Lần lượt từng HS đưa ra những hoạt động bảo vệ môi trường không khí ở gia đình và địa phương mình.  + Thảo luận và chọn một chủ đề SGK nêu ra (hoặc chủ đề khác) để vận động những người xung quanh tham gia bảo vệ môi trường không khí .  - GV có thể cho HS mỗi nhóm làm câu 8 của Bài 6 trong VBT  Bước 2: Làm việc cả lớp.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm HS báo cáo trước lớp về nội dung thảo luận, các công việc đã làm được và dự kiến làm.  - GV gọi HS khác nhận xét, rút kinh nghiệm  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động thảo luận nhóm và nội dung được đưa ra.  - Gv yêu cầu 2 HS đọc nội dung kiến thức cốt lõi của bài ở cuối trang 27 SGK. | HS đọc thảo luận nhóm, trao đổi và thực hiện các yêu cầu GV đưa ra.  - Mỗi nhóm chọn một trong những chủ đề sau để vận động những người xung quanh tham gia bảo vệ môi trường không khí .  + Tăng cường đi bộ, đi xe đạp, sử dụng phương tiện giao thông công cộng.  + Tham gia bảo vệ rừng và trồng cây xanh.  + Tham gia phong trào vệ sinh nơi ở và nơi công cộng.  - HS làm việc cả lớp, 2-3 nhóm lên bảng trình bày  - HS nhận xét, rút kinh nghiệm  - HS lắng nghe, ghi nhớ  - 2 HS đọc- cả lớp đọc để ghi nhớ. |
| - GV đưa ra câu hỏi củng cố bài học:  Qua bài học này, em đã khám phá được những điều gì?  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương, nhắc nhở   * GV giao nhiệm vụ về nhà và dặn dò tìm hiểu thêm về vai trò của không khí, nguyên nhân gây ô nhiễm không khí, vận dụng kiến thức đã học để đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường không khí ở gia đình… * GV giao nhiệm vụ chuẩn bị cho bài sau: Bài 7: Ôn tập chủ đề Chất | HS trả lời theo sự hiểu biết.    - HS lắng nghe  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**Điều chỉnh - bổ sung**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY LỚP 4 – TUẦN 6**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**Người thực hiện: Hoàng Thị Giang**

**Dạy ngày: 18/10/2024**

**Luyện từ và câu: Luyện tập về nhân hoá**

TIẾT 2:

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Nhận biết biện pháp nhân nhân hoá trong các bài thơ, đoạn văn,… Viết được các câu văn có sử dụng biện pháp nhân hoá.

- Nhận biết tác dụng của biện pháp nhân hoá trong việc tăng tính gợi hình, gợi tả cho bài văn, bài thơ. Biết cách sử dụng từ ngữ nhân hoá một cách gợi tả, giàu hình ảnh.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển NL giao tiếp và tác: Biết thảo luận nhóm về nội dung và cách sử dụng biện pháp hoá; NL tự chủ và tự học: tự làm BT.

**3. Phẩm chất.**

- Bồi dưỡng PC nhân hoá: Phát hiện ra những điều thú vị về sự vật, tả những điều thú vị đó với tình cảm yêu mến.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Máy tính, ti vi.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu** - GV mở Video Bài hát *Bé và ông Mặt Trời - Quỳnh My | Nhạc Thiếu Nhi Vui Nhộn* cho HS nghe hát và vận động theo nhạc.Hỏi: Bài hát nói về điều gì?- Trong bài hát đó có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?- Nhân hoá là gì? Có mấy kiểu nhân hoá đã học? - GV nhận xét, chốt ý và dẫn dắt vào bài mới.  **2. Thực hành- Luyện tập***.*  \* **Hoạt động 1: Tìm hiểu biện pháp nhân hoá trong bài thơ *Ông Mặt Trời óng ánh*** | - HS nghe hát kết hợp vận động theo nhạc. - HS trả lời: Bài hát nói Bé và ông Mặt trời. Ông mặt trời trong bài hát rất đáng yêu.  - Biện pháp nhân hoá.  - HS nối tiếp trả lời.  - HS lắng nghe, ghi mục bài vào vở.  - 1 – 2 HS đọc BT1. Lớp lắng nghe kết hợp theo dõi đọc thầm trong SGK. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***(BT1)***  - GV mời 1 – 2 HS đọc BT1  a) Sự vật nào được nhân hoá trong bài thơ?  b) Sự vật đó được nhân hoá bằng cách nào?  - Giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu bài thơ *Ông Mặt Trời óng ánh,* thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi của BT1. (GV phát bút dạ, phiếu lớn cho 1 nhóm).  - GV theo dõi các nhóm hoạt động và hỗ trợ nhóm (HS) gặp khó khăn.  - Mời đại diện 1 số nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Nhận xét, chốt ý đúng.  - Bạn nào giỏi đặt câu có chứa hình ảnh nhân hóa?  **\* Hoạt động 2: Xác định kiểu nhân hoá trong một số đoạn văn, đoạn thơ (BT2)**  - GV mời HS đọc to thông tin về 3 kiểu nhân hoá (được đóng khung ở đầu BT2).  - Mời 3 HS đọc to 3 đoạn văn, đoạn thơ trong BT2.  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm đôi: tìm ra các từ ngữ nhân hoá trong 3 đoạn văn, đoạn thơ, xác định kiểu nhân hoá được sử dụng.  **\*Lưu ý:** GV giải thích cho HS về nhân vật *chọi* trong đoạn văn (*gà chọi là loại gà trống chân cao, da đỏ, cựa lớn, nuôi để chơi chọi gà; trong đoạn văn, chọi là một chú gà mới lớn).*  \* Theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn.  **-** Xong, mời đại diện 1 số nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Nhận xét, sửa lỗi (nếu có) và chốt đáp án đúng.  c) 2 kiểu nhân hoá: gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người (*cô sách giáo khoa, hộp chữ chúng tôi, chúng nó);* tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (*cô sách giáo khoa nói, không còn biết trả lời thế nào; hộp chữ xôn xao hẳn lên, (*chữ) *reo nhảy mừng rỡ, tranh nhau hỏi hết câu này đến câu khác)*  **HĐ3: Viết 3 câu tả đồ vật hoặc con vật, cây cối có hình ảnh nhân hoá (BT3)**  - Mời 1 HS đọc to ND, yêu cầu BT3  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, từ viết 3 câu tả đồ vật, con vật, cây cối có hình ảnh nhân hoá.  - GV mời vài HS đọc to câu văn đã viết trước lớp.  - GV yêu cầu các HS khác trong lớp nhận xét về cầu văn của bạn. GV hướng dẫn HS nhận ra sự vật được nhận hoá, từ ngữ nhân hoá và kiểu nhân hoá trong các câu văn đó.  \*Lưu ý: HS có thể viết 3 câu rời, không nhất thiết phải viết thành các câu liên kết như ví dụ trên đây.  - GV nhận xét, khen ngợi những bạn viết được câu văn có hình ảnh nhân hoá theo yêu cầu.  **3. Vận dụng** (3-5 phút).  + Nêu những điều em biết về biện pháp nhân hoá?  + Việc sử dụng biện pháp nhân hoá trong viết văn có tác dụng gì?  4. **Đánh giá, tổng kết, định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - Nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - Hoạt động nhóm 4:  + HS làm việc cá nhân, làm vào VBT; 1 bạn làm vào phiếu lớn.  + Thảo luận, thống nhất kết quả làm việc trong nhóm 4.  + Báo cáo kết quả làm việc trước lớp (Phiếu lớn). Các nhóm khác đối chiếu, nhận xét và bổ sung (nếu có).  *\*Dự kiến kết quả chia sẻ:*  a) Sự vật được nhân hoá trong bài thơ là Mặt Trời.  b) Mặt Trời được nhân hoá bằng 3 cách: Gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người (*ông Mặt Trời*). Tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (*Ông Mặt Trời nhíu mắt, cười).* Nói với sự vật thân mật như nói với người (“*Ông ở trên cao nhé! Cháu ở dưới này thôi!”).*  - 1 vài HS đặt câu  - 1-2 HS đọc to thông tin về 3 kiểu nhân hoá. Các HS khác đọc thầm theo.  - 3 HS nối tiếp đọc to 3 đoạn văn, đoạn thơ trong BT2, lớp theo dõi đọc thầm.  + HS tự làm bài cá nhân vào VBT.  + Thảo luận cặp đôi để thống nhất kết quả.  + 1-2 cặp lên hỏi đáp để trình bày KQ làm việc. Lớp nhận xét, bổ sung (nếu có)  *\*Dự kiến kết quả đúng:*  a) 2 kiểu nhân hoá: gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người (*cậu gà ri, chị gà, bác ngan, thím vịt, chọi ta);* tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (*te tái chạy, dẫn đầu*).  b) 2 kiểu nhân hoá: tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người (*trăng trốn vào sau mây; cỏ cây buồn, khóc mưa thút thít; trái bòng chẳng thiết, nằm ườn; quả na lặng câm, mắt nhìn xa vắng*); nói với sự vật thân mật như nói với người (*Bắt đền trăng đấy”*).  - 1 HS đọc to, lớp theo dõi, đọc thầm.  - HS làm bài cá nhân vào vở.  - Xong, nối tiếp chia sẻ câu văn mình đã viết trước lớp.  - Các bạn lắng nghe, nhận xét và bổ sung (theo hướng dẫn, nếu cần).  \* VD*: Cậu bút chì này thật là tinh nghịch.Em muốn kẻ đường thẳng,cậu ta lại nhảy nhót, thè lưỡi trêu em và lượn một vòng tròn. Em bực mình nói thầm: “Này bút chì, nghịch vừa thôi, vào hộp nhé!”.*  - Lắng nghe  - HS nối tiếp chia sẻ.  - Tăng tính gợi hình, gợi tả cho bài văn, bài thơ. Làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn người đọc.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm để thực hiện. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………